



Mẫu 7: Đề cương chi tiết học phần

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin tổng quát:

Tên học phần tiếng Việt	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
Tên học phần tiếng Anh	History of Vietnamese communist party
Mã học phần	
Thuộc khối kiến thức	Kiến thức đại cương/ Kiến thức cơ sở ngành/ Kiến thức ngành/ Kiến thức chuyên ngành ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Trình độ	
Ngành học	
Khóa học	
Năm học	
Học kỳ	
Số tín chỉ	2 tín chỉ Lý thuyết (15 tiết/tín chỉ): 20 Thực hành, thí nghiệm, thảo luận (15 tiết/tín chỉ): 10 Tự học, tự nghiên cứu (30 giờ/tín chỉ): 60
Học phần tiên quyết	Không
Học phần trước	Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Chủ nghĩa xã hội khoa học
Học phần sau	Không
Học phần song hành	Tư tưởng Hồ Chí Minh
Ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy	Tiếng việt
Các giảng viên phụ trách giảng dạy	
Các giảng viên trợ giảng	

2. Mô tả học phần

(Vị trí của học phần đối với chương trình đào tạo (CTĐT), những mục đích và nội dung chính yếu của học phần)

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo, nhằm trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản mang tính hệ thống về Đảng Cộng sản Việt Nam và những chủ trương, đường lối cách mạng của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng từ khi Đảng ra đời đến nay. Qua đó khẳng định thành công, nêu lên hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học

nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

3. Tài liệu học tập

Giáo trình:

[1] Bộ GD&ĐT (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*. Nxb, CTQG Sự Thật.

Tài liệu tham khảo:

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam. (2002-2018). *Văn kiện Đảng Toàn Tập, từ tập 1 đến tập 69*. Nxb Chính trị quốc gia.

[2] Viện lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. (2021). *Biên niên sự kiện lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*. Tập 1 – 7. Nxb Chính trị quốc gia.

[3] Web: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/>

Phần mềm:

[..] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*.

4. Mục tiêu học phần

(Các mục tiêu tổng quát của học phần, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho học phần)

Mục tiêu (COx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của học phần (CLOx) (3)	TĐNL (4)
CO1	4.1 Về kiến thức Cung cấp cho sinh viên hiểu được những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về Đảng Cộng sản Việt Nam và những chủ trương, đường lối cách mạng của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng từ khi Đảng ra đời đến nay.	CLO1	
CO2	4.2. Về kỹ năng Sinh viên vận dụng phương pháp tư duy khoa học về lịch sử để lựa chọn, khái quát hóa tài liệu nghiên cứu, học tập môn học; đồng thời sinh viên phân tích, đánh giá, vận dụng kiến thức lịch sử vào công tác thực tiễn.	CLO2	
CO3	4.3. Về thái độ/năng lực tự chủ và trách nhiệm Sinh viên đánh giá được sự thật khách quan và nâng cao lòng tự hào, niềm tin đối với sự nghiệp lãnh đạo của Đảng và phê phán những quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.	CLO3	

(1) : Ký hiệu mục tiêu của học phần.

(2) : Mô tả các mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR và bối cảnh áp dụng tổng quát.

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho học phần.

5. Chuẩn đầu ra học phần

(Các mục cụ thể hay CDR của học phần và mức độ giảng dạy I, T, U hoặc I, R, M)

CDR (1)	Mô tả CDR (2)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ giảng dạy (I, T, U hoặc I, R, M) (3)
CLO 1.1	Hiểu và phân tích được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của môn học; vận dụng được các phương pháp khi nghiên cứu, học tập môn học.		I,T
CLO 1.2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản có tính hệ thống về quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), nội dung cơ bản, giá trị lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền (1930-1945).		I,T,U
CLO 1.3	Cung cấp cho sinh viên những nội dung lịch sử cơ bản, hệ thống, khách quan về sự lãnh đạo của Đảng trong hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời kỳ 1945-1975.		I,T,U
CLO 1.4	Giúp sinh viên nắm được đường lối, cương lĩnh, những tri thức có hệ thống về quá trình phát triển đường lối và lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới từ năm 1975 đến nay.		I,T,U
CLO 2.1	Phân biệt được sự giống và khác nhau giữa môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam với các môn thuộc Lý luận chính trị; mối liên hệ giữa môn học này với các môn thuộc Lý luận chính trị.		U
CLO 2.2	Trang bị cho sinh viên phương pháp nhận thức biện chứng, khách quan về quá trình Đảng ra đời và vai trò lãnh đạo của Đảng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, xác lập chính quyền cách mạng.		U
CLO 2.3	Trang bị năng lực phân tích sự kiện; phương pháp đúc rút kinh nghiệm lịch sử về sự lãnh đạo kháng chiến của Đảng; ý thức phê		U



	phán những nhận thức sai trái về lịch sử.		
CLO 2.4	Rèn luyện cho sinh viên phong cách tư duy lý luận gắn với thực tiễn, phát huy tính năng động, sáng tạo của người học; vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào trong cuộc sống.		U
CLO 3.1	Giúp sinh viên tin tưởng hơn vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường đi lên của đất nước. Từ đó, nâng cao ý thức, trách nhiệm của bản thân đối với môn học và những vấn đề đặt ra trong xã hội.		U
CLO 3.2	Cung cấp cơ sở lịch sử, góp phần củng cố niềm tin của thế hệ trẻ vào con đường cách mạng giải phóng dân tộc và phát triển đất nước.		U
CLO 3.3	Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn về lịch sử và những bài học rút ra từ quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời kỳ 1945-1975. Nâng cao niềm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và sức mạnh đoàn kết của toàn dân tộc.		U
CLO 3.4	Củng cố niềm tin của sinh viên về những thắng lợi của Đảng trong lãnh đạo đưa cả nước quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới, củng cố niềm tin và lòng tự hào vào sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng hiện nay.		U

(1): Ký hiệu CDR của học phần

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu; T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng hoặc I (Introduce): giới thiệu; R(Reinforced): tăng cường; M(Mastery): thành thạo.

6. Đánh giá học phần

- Yêu cầu chung của học phần theo quy chế:

+ Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

+ Điểm thành phần: kết quả học tập một học phần được đánh giá theo quá trình học tập, thể hiện bởi các điểm thành phần được làm tròn tới một chữ số thập phân.

+ Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân.

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của học phần)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x) (2)	CDR học phần (CLOx) (3)	Tiêu chí đánh giá (4)	Thời lượng đánh giá (5)	Trọng số (6)	Trọng số con (7)
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Chuyên cần.		Trên lớp/ E-learning	10 tuần	30%	5%
	A1.2. Tham gia học tập trên lớp tích cực, hăng hái phát biểu.	CLO 1.1 CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 1.4 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 2.3 CLO 2.4 CLO 3.1 CLO 3.2 CLO 3.3 CLO 3.4	Trên lớp/ E-learning	10 tuần		10%
	A1.3. Thuyết trình nhóm,...	CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 1.4 CLO 2.2 CLO 2.3 CLO 2.4 CLO 3.2 CLO 3.3 CLO 3.4	Sản phẩm thuyết trình của nhóm	Tuần 3-10		15%
A2. Đánh giá giữa kì	A2.1. Bài thi giữa kì	CLO 1.1 CLO 1.2 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 3.1 CLO 3.2	Trắc nghiệm (Quiz)	25 phút	20%	
A3. Đánh giá cuối kì	A3.1. Bài thi cuối kì	CLO 1.1 CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 1.4 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 2.3 CLO 2.4 CLO 3.1	Tự luận - Sinh viên được sử dụng tài liệu giấy, không sử dụng thiết bị kết nối mạng khi	60 phút	50%	

		CLO 3.2 CLO 3.3 CLO 3.4	làm bài thì) - Điểm thường (tối đa 20% của điểm cuối kỳ)			
--	--	-------------------------------	--	--	--	--

(1) : Các thành phần đánh giá của học phần.

(2) : Ký hiệu các bài đánh giá

(3) : Các CDR được đánh giá.

(4) : Tiêu chí đánh giá như bài tập nhóm/cá nhân về nhà, bài tập nhóm/cá nhân tại lớp, dự án, đồ án học phần.....

(5) : Thời lượng đánh giá theo phút tại lớp (nếu có)

(6) : Trọng số các bài đánh giá trong tổng điểm học phần

(7) : trọng số các bài đánh giá trong tổng điểm của thành phần đánh giá

- Thang điểm đánh giá: theo thang điểm 10, thang điểm 100 hoặc thang điểm 4 được dùng để ghi nhận và phân loại kết quả đánh giá. Thang điểm và cách xếp loại kết quả học tập được thực hiện như sau:

Xếp loại	Thang điểm hệ 10	Thang điểm hệ 100	Thang điểm hệ 4	
			Điểm số	Điểm chữ
Xuất sắc	Từ 9,0 đến 10,0	Từ 90 đến 100	4,0	A+
Giỏi	Từ 8,0 đến cận 9,0	Từ 80 đến cận 90	3,5	A
Khá	Từ 7,0 đến cận 8,0	Từ 70 đến cận 80	3,0	B+
Trung bình khá	Từ 6,0 đến cận 7,0	Từ 60 đến cận 70	2,5	B
Trung bình	Từ 5,0 đến cận 6,0	Từ 50 đến cận 60	2,0	C
Yếu	Từ 4,0 đến cận 5,0	Từ 40 đến cận 50	1,5	D+
Kém	Từ 3,0 đến cận 4,0	Từ 30 đến cận 40	1,0	D
	< 3,0	Dưới 30	0,0	F

- Học phần có điểm từ 5,0 trở lên được xem là học phần đạt, số tín chỉ của học phần này được tính là số tín chỉ tích lũy.

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(Các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của học phần, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của học phần)

Lý thuyết

Buổi học (4 tiết)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
----------------------	----------	-------------	----------------------	--------------

1/4 tiết	Chương nhập môn ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM I. Đối tượng nghiên cứu của môn học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam III. Phương Pháp nghiên cứu, học tập môn lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. IV. Mục đích, yêu cầu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Chương 1 ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945) I. Đảng cộng sản việt nam ra đời và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2 – 1930) 1. <i>Bối cảnh lịch sử</i> 2. <i>Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng</i>	G1.1 Hoạt động G1.2 dạy: G2.1 - Giới thiệu đề G2.2 cương môn học G3.1 - Giới thiệu nội G3.2 dung đề tài thuyết trình nhóm GHW) - Trình chiếu. thuyết giảng mục 1, 2 phần I của chương 1. - Đặt vấn đề và giải quyết vấn đề Hoạt động học: - Chia nhóm - Giới thiệu nhóm học tập - Nghe giảng, phát biểu - Đọc trước mục 3,4 phần I của chương 1	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1 A2.2
2/4 tiết	Chương 1 (tiếp theo) I. Đảng cộng sản việt nam ra đời và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2 – 1930) - (tt) 3. <i>Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</i> 4. <i>Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam</i> II. Lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền	G1.1 Hoạt động G1.2 dạy: G2.1 - Trình chiếu, G2.2 thuyết giảng G3.1 mục 3,4 phần I G3.2 và 1,2 phần II của chương 1. - Đặt vấn đề và giải quyết vấn	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1 A2.2

	(1930-1945) 1. Phong trào cách mạng 1930-1935 và khôi phục phong trào 1932-1935 2. Phong trào dân chủ 1936-1939		đề Hoạt động học: - Nghe giảng, thuyết trình, thảo luận nhóm. - Đọc trước mục 3, 4 phần II của chương 1.	
/4 tiết	II. Lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) - (tt) 3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945 4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 Chương 2 ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG NGOẠI XÂM, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975) I. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) 1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946 2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950	G1.2 G1.3 G2.1 G2.2 G3.1 G3.2	Hoạt động dạy: - Trình chiếu, thuyết giảng mục 3, 4 phần II của chương 1 và mục 1, 2 phần I của chương 2. - Đặt vấn đề và giải quyết vấn đề. Hoạt động học: - Nghe giảng, thuyết trình, thảo luận nhóm. - Đọc trước mục 3, 4 phần I của chương 2.	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1 A2.2
4/2 tiết	Chương 2 (tiếp theo) I. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1945-1954 - (tt) 3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi 1951-1954 4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng	G1.3 G2.1 G2.2 G3.1 G3.2	Hoạt động dạy: - Trình chiếu, thuyết giảng mục 3, 4 phần I và mục 1 phần II của chương	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1 A2.2

	trong lãnh đạo kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ II. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền nam, thống nhất đất nước (1954-1975) 1. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam – Bắc 1954-1965		2. - Đặt vấn đề và giải quyết vấn đề. Hoạt động học: - Nghe giảng, thuyết trình, thảo luận nhóm. - Đọc trước mục 2, 3 phần II của chương 2.	
5/4 tiết	Chương 2 (tiếp theo) II. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền nam, thống nhất đất nước (1954-1975) - (tt) 2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965-1975 3. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954-1975 Chương 3 ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY) I. Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc (1975-1986) 1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981	G1.3 G1.4 G2.1 G2.2 G3.1 G3.2	Hoạt động dạy: - Trình chiếu, thuyết giảng mục 2,3 phần II của chương 2 và mục 1 phần I của chương 3. - Đặt vấn đề và giải quyết vấn đề Hoạt động học: - Nghe giảng, thuyết trình, thảo luận nhóm. - Đọc trước mục 2 phần I của chương 3	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1 A2.2
6/5 tiết	Chương 3 (tiếp theo) I. Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc (1975-1986) - (tt) 1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981 - (tt) 2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986 II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (từ năm 1986 đến nay) 1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986-1996	G1.4 G2.1 G2.2 G3.1 G3.2	Hoạt động dạy: - Trình chiếu, thuyết giảng mục 1 phần I và mục 1 phần II của chương 3 - Đặt vấn đề và giải quyết vấn đề Hoạt động học: - Nghe giảng, thuyết trình, thảo luận nhóm. - Đọc trước mục 2 phần II của chương 3	A1.1 A1.2 A2.1 A2.2



7/5 tiết	Chương 3 (tiếp theo) II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (từ năm 1986 đến nay) - (tt) 1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986-1996 - (tt) 2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 1 (từ năm 1996 đến nay). 3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới KẾT LUẬN 1. Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam. Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng	G1.4 G2.1 G2.2 G3.1 G3.2	Hoạt động dạy: - Trình chiếu, thuyết giảng mục 1, 2, 3 phần II của chương 3 - Đặt vấn đề và giải quyết vấn đề. - Hướng dẫn sv tự học - Ôn tập tổng kết môn học - Công bố bảng điểm chi tiết các hoạt động - Giải đáp thắc mắc Hoạt động học: - Nghe giảng, thuyết trình, thảo luận nhóm. - Ôn tập toàn bộ nội dung môn học tại nhà	A1.1 A1.2 A2.1 A2.2
----------	---	---	--	---

(1) : Thông tin về tuần/buổi học.

(2) : Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3) : Liệt kê CDR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLOx)

(4) : Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5) : Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR học phần (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1: ...	CLOx ...	Dạy: ... Học ở lớp: ... Học ở nhà: ...	Ax.x ...
...				

(1): Thông tin về tuần/buổi học.

(2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành.

(3): Liệt kê CĐR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLOx).

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Tổng thời lượng học tập (Trực tiếp/trực tuyến)

Hình thức	Hoạt động dạy và học	Số lần	Thời lượng (giờ)	Tổng thời lượng (giờ)
Thời lượng học trực diện với giảng viên (bao gồm cả tuần thi)			20 giờ	20 giờ
Bài thuyết trình A1.3			18giờ	18 giờ
Tự học ngoài giờ			60 giờ	60 giờ
Bài tập tình huống Axx				
Bài luận Axx				
Dự án nhóm Axx				
.....				
Thi giữa kỳ A2.1		1	1 giờ	1 giờ
Thi cuối kỳ A3.1		1	1 giờ	1 giờ
Tổng thời lượng			100 giờ	
Tổng thời lượng/ giờ			100/....	
Chuyển đổi tín chỉ theo ECTS				

Ghi chú: 1 tiết = 50 phút = 5/6 giờ; 1 tín chỉ 50h học tập bao gồm cả thời gian học tập trên lớp, tự học, nghiên cứu, dự kiểm tra, đánh giá.

9. Quy định của học phần

(Các quy định của học phần (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

- Quy định về Bài thuyết trình nhóm:

- Thành lập nhóm: Số lượng sinh viên tùy vào sĩ số lớp, do giảng viên quy định. Hạn chót đăng ký đề tài nhóm quản lý trên forum là buổi 2 hoặc trực tiếp nộp cho GV buổi 1.

- Các nhóm thuyết trình theo thứ tự được phân công. Lưu ý các nhóm cần có mặt đủ và mang theo tất cả các tài liệu liên quan khi thuyết trình.
- Hình thức nộp bài: Nộp file và biên bản làm việc nhóm qua mail cho GV
- Quy định về giờ giấc, chuyên cần, kỷ luật trong khóa học: Lên lớp đúng giờ, dự tối thiểu 80% thời gian học trên lớp (chỉ được phép vắng mặt tối đa 20% số tiết học). Nếu vắng quá số tiết quy định thì sẽ bị điểm 0 chuyên cần.

10. Phụ trách học phần

- Trung tâm: Trung tâm Lý luận chính trị, ĐHQG-HCM
- Bộ môn: Bộ môn Lý luận chính trị
- Địa chỉ và email liên hệ: cps@vnuhcm.edu.vn

11. Đề cương được cập nhật và biên soạn ngày: 7/2025

12. Đề cương được thẩm định và thông qua ngày:

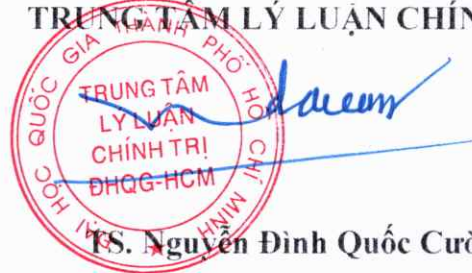
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2025

PHÓ TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Lê Văn Thông

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



TS. Nguyễn Đình Quốc Cường